TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/DS- PT
Ngày: 28/01/2026
V/v : Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Giang Thị Vượng.

- *Các Thẩm phán*: 1. Bà Phan Thị Phương

2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thục Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên toà dân sự phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm " do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 tỉnh Lai Châu bị kháng cáo. Theo ĂM 2025\\DSST &DSPT 2025\\DSPT 2025\\2" \o "quyết"Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2025/QĐ-PT, ngày 10 tháng 12 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2026/QĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026.

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu E, xã T, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở hiện nay: Bản Muông, xã T, tỉnh Lai Châu. *(Có mặt).*

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị T; Chức vụ: Phó giám đốc; Nơi công tác: Công ty cổ phần P; Địa chỉ: Số C, Ngách E, phố N, phường M, quận B, thành phố Hà Nội. Nay là Phường T, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt có lý do).*

+ Ông Nguyễn Xuân D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Nơi công tác: Công ty cổ phần P; Địa chỉ: Số C, Ngách E, phố N, phường M, quận B, thành phố Hà Nội. Nay là Phường T, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt có lý do).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu E, xã T, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở hiện nay: Bản Muông, xã T, tỉnh Lai Châu. *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).*

+ Công ty cổ phần P. Địa chỉ: Số C, Ngách E, phố N, phường M, quận B, thành phố Hà Nội. Nay là Phường T, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Như Q, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần P. *(Vắng mặt có lý do).*

+ Ông Bùi Hữu T2; Chức vụ: Phó giám đốc; Nơi công tác: Công ty cổ phần P; Địa chỉ: Số C, Ngách E, phố N, phường M, quận B, thành phố Hà Nội. Nay là Phường T, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt không có lý do).*

+ Anh Tòng Văn B, sinh năm 2005;

+ Ông Tòng Văn N, sinh năm 1985;

Cùng Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Lai Châu; *(Đều vắng mặt không có lý do).*

Người kháng cáo:

+ Nguyên đơn bà Vũ Thị H (có mặt).

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T1 (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau: Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày: Ngày 29/12/2023, bà H nhận được Công văn số 025/2023/CV-BINHMINHEHD của Công ty Cổ phần P, do bà Nguyễn Thị T – Phó Giám đốc ký, với nội dung thể hiện Công ty đã nhận 10.000.000 đồng tiền cọc của ứng viên Tòng Văn B từ "bà H". Sau khi công văn này được ban hành, ông Tòng Văn N và anh Tòng Văn B đã đến nhà bà H yêu cầu trả lại số tiền hơn 9.000.000 đồng, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của bà H. Bà H cho rằng bà không có quan hệ hợp tác, không có hợp đồng và không thu, không chuyển 10.000.000 đồng cho Công ty P như nội dung công văn đã nêu; việc Công ty ban hành công văn trên là sai sự thật, làm bà bị hiểu nhầm là chiếm giữ tiền của người lao động, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, công việc và thu nhập của bà. Tháng 5/2024, bà H đến Công ty P yêu cầu bà T cung cấp tài liệu chứng minh việc bà H đã chuyển tiền cho công ty. Theo bà H, tại đây bà T gọi ông Nguyễn Xuân D – Chủ tịch Hội đồng quản trị đến, sau đó ông D cùng một số người đã chửi bới, xúc phạm, hành hung và đuổi bà H ra khỏi công ty, làm bà bị tổn hại về sức khỏe, tinh thần và danh dự. Ngoài ra Bà Vũ Thị H trình bày: Năm 2023, bà là Giám đốc văn phòng địa phương của Công ty Đ, có Quyết

định bổ nhiệm của Ban giám đốc Công ty Đ (tháng 02/2023), Công văn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L (tháng 02/2023) và Giấy giới thiệu số 69 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T (tháng 3/2023). Trong thời gian này, bà hoạt động tuyển dụng lao động theo sự phân công của Công ty Đ, không thu bất kỳ khoản tiền nào của người lao động cho Công ty P, không ký kết hợp đồng, không được bổ nhiệm và không có quan hệ hợp tác với Công ty P, đồng thời không chuyển số tiền 10.000.000 đồng cho Công ty P vào ngày 24/7/2023 như nội dung ghi trong Công văn số 025/2023/CV-BINHMINHEHD ngày 29/12/2023. Bà H cho rằng việc bà Nguyễn Thị T ký ban hành Công văn số 025 với nội dung nêu trên đã làm phát sinh sự hiểu nhầm rằng bà H là người nhận và chuyển tiền của người lao động, gây ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của bà. Sau đó, khi bà đến trụ sở Công ty P để yêu cầu làm rõ, thì bà Nguyễn Thị T gọi ông Nguyễn Xuân D đến, và theo bà H, ông D cùng một số người đã có hành vi chửi bới, xúc phạm, túm cổ, tát và đuổi bà ra khỏi trụ sở công ty, làm bà bị tổn hại về sức khỏe, tinh thần, danh dự và uy tín.Từ các sự việc trên, bà H khởi kiện yêu cầu:

Tuyên Công văn số 025/2023/CV-BINHMINHEHD ngày 29/12/2023 của Công ty P là sai và không có giá trị pháp lý;

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân D bồi thường thiệt hại do xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín với tổng số tiền 374.100.000 đồng, gồm tiền thuê địa điểm làm việc, thu nhập bị mất và chi phí điều trị sức khỏe;

Buộc Công ty P, bà T và ông D công khai xin lỗi, cải chính thông tin sai sự thật về bà H;Đề nghị xem xét xử lý hành vi hành hung nếu có dấu hiệu hình sự.

Để chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình là có căn cứ, bà Vũ Thị H đưa ra các thiệt hại như sau:

Về thu nhập thực tế bị mất: Năm 2023, bà là cán bộ tuyển dụng, Giám đốc văn phòng địa phương của Công ty Đ, được hưởng tiền công tuyển dụng 1.000 USD cho mỗi lao động, tương đương khoảng 25.000.000 đồng/người. Từ tháng 01/2024, bà ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần C, theo đó mức tiền công đối với hoạt động tuyển dụng lao động đi làm việc ở nước ngoài và du học đều là 1.000 USD/01 người. Bà cho rằng do các hành vi bị xâm phạm nên không thể tiếp tục hoạt động tuyển dụng, dẫn đến mất nguồn thu nhập nêu trên.

Về chi phí văn phòng: Bà H thuê văn phòng tại Khu E, xã T, tỉnh Lai Châu để làm địa điểm tuyển sinh nguồn nhân lực cho hãng hàng không A, hỗ trợ thủ tục hộ chiếu, bán vé máy bay và tuyển dụng lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài cho một số công ty; văn phòng thuộc Hợp tác xã du lịch, vận tải N. Từ tháng 01/2024 đến nay, bà không còn sử dụng văn phòng nhưng chưa thể thanh lý hợp đồng thuê nhà với chủ nhà là bà Cao Thị L do còn nợ tiền thuê; nếu chấm dứt hợp đồng trước thời

hạn thì phải chịu phạt vi phạm, vì hợp đồng thuê còn thời hạn từ năm 2022 đến năm 2027.

Về thiệt hại sức khỏe và tinh thần: Sau khi xảy ra sự việc, bà H cho rằng mình bị tăng huyết áp, phải đi cấp cứu và điều trị nhiều lần, phải dùng thuốc theo chỉ định của bác sĩ; đồng thời thường xuyên chịu áp lực tinh thần, mất uy tín và danh dự đối với người thân, xã hội và các đối tác, ảnh hưởng đến công việc và sinh hoạt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân D không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cho rằng không có hành vi xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 trình bày: Ông là cán bộ tuyển dụng của Công ty P, trực tiếp thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và thu, chi các khoản tiền liên quan đến học viên Tòng Văn B; toàn bộ giao dịch với ông N và anh B do ông T1 thực hiện, không liên quan đến bà H. Số tiền 10.000.000 đồng tiền cọc đã được chuyển về Công ty P; số tiền còn lại ông T1 đã lập biên nhận để tự giải quyết với công ty.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án, giao vụ án về cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại đảm bảo việc thụ lý và xem xét xét đầy đủ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1.Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo bà Vũ Thị H người giữ nguyên nội dung kháng cáo giao nộp bổ sung nội dung đơn kháng cáo đưa ra các lập luận để đề nghị cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm. Ông Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và HĐXX phúc thẩm và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên được xem xét.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tố tụng: Đối với kháng cáo của bà H và ông T1 đề nghị xác định Công ty cổ phần P là bị đơn:Xét thấy tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2024, đơn khởi kiện sửa đổi,

bổ sung ngày 21/01/2025 và tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 25/9/2025 đều thể hiện bà H khởi kiện yêu cầu cá nhân bà T – Phó Giám đốc và ông D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty P bồi thường thiệt hại do có hành vi đánh, chửi bới, xúc phạm bà H tại trụ sở Công ty P khi bà H yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà H hợp tác với Công ty P.Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại" theo khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định bà T và ông D là bị đơn, Công ty cổ phần P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H và ông T1 về nội dung này.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, đề nghị Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu độc lập: Xét thấy sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 04/9/2025, ông T1 mới có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc Công ty P thanh toán tiền công tuyển dụng đối với học viên Tòng Văn B là 25.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do uy tín, danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm là 23.000.000 đồng.Do yêu cầu độc lập được đưa ra sau khi Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và sau khi đã tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu độc lập của ông T1 là đúng quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của ông T1.

2.Về nội dung: Đối với yêu cầu của bà H về việc tuyên bố Công văn số 025/2023/BINHMINHHEHD ngày 19/12/2023 của Công ty P không có giá trị pháp lý:Xét thấy Công văn số 025 do bà T ký trên danh nghĩa Công ty cổ phần P, nội dung chỉ là thông báo về việc dừng học của ứng viên Tòng Văn B, không làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của bà H, không tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H.Mặt khác, ông T1 cũng xác nhận hoạt động tuyển dụng liên quan đến trường hợp anh B là do ông T1 trực tiếp thực hiện, không liên quan đến bà H. Do đó, việc bà H yêu cầu tuyên Công văn số 025 không có giá trị pháp lý là không có căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là đúng pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H về nội dung này.Đối với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà T và ông D bồi thường thiệt hại số tiền 328.999.000 đồng: Bà H yêu cầu bồi thường các khoản gồm tiền thuê địa điểm làm việc, thu nhập bị mất, chi phí điều trị, thuốc men, đi lại và tổn thất tinh thần. Tuy nhiên, để chứng minh cho yêu cầu bồi thường, bà H chỉ cung cấp hai đoạn ghi âm; tại phiên tòa phúc thẩm đã mở USB nhưng chỉ thể hiện tiếng nói của 2 đến 3 người, không thể hiện được nội dung có hành vi hành hung, xâm phạm sức khỏe của bà H, cũng không đủ căn cứ xác định người thực hiện hành vi là bà T và ông D. Do đó, việc trưng cầu giám định đối với hai bản ghi âm là không cần thiết. Ngoài ra, bà H cung cấp hồ sơ bệnh án các ngày 26/11/2024,

03/01/2025, bảng kê chi phí nội trú, giấy ra viện thể hiện bà H có tiền sử tăng huyết áp; tuy nhiên, thời gian điều trị không trùng với thời điểm xảy ra sự việc và hồ sơ bệnh án cũng không thể hiện nguyên nhân bệnh xuất phát từ hành vi xâm phạm của bà T và ông D. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, bà H cũng khai nhận không bị thương tích và không đi giám định sức khỏe. Như vậy, bà H không chứng minh được có hành vi trái pháp luật của bà T và ông D, không chứng minh được thiệt hại thực tế cũng như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H về nội dung này.Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông T1, giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị H, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu, cùng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H. Xét thấy đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bà H đề nghị trưng cầu giám định 02 file ghi âm, Hội đồng xét xử nhận định: Tài liệu mà bà H yêu cầu giám định (02 file ghi âm) nội dung ghi âm không do Tòa án thu thập, không được các bên xác nhận, chưa được đối chiếu, chưa được chứng minh là thu thập hợp pháp nên không đủ điều kiện yêu cầu Tòa án phải trưng cầu giám định. Căn cứ Điều 102 BLTTDS, Tòa án chỉ trưng cầu giám định khi:Tình tiết vụ án cần làm rõ bằng chuyên môn;Tài liệu có giá trị chứng minh; Việc giám định là cần thiết để giải quyết vụ án.Trong vụ án này, nội dung bà yêu cầu giám định không phải là yếu tố quyết định bản chất tranh chấp, không ảnh hưởng đến việc giải quyết yêu cầu khởi kiện.Việc xác định “giọng nói”, “nội dung xúc phạm”, “bối cảnh, thời điểm” như đề nghị của bà vượt quá phạm vi giám định tư pháp được pháp luật quy định. Bà H cho rằng bị “xúc phạm danh dự, nhân phẩm”, tuy nhiên các hành vi này không phải là đối tượng giám định tư pháp, mà là vấn đề thuộc thẩm quyền

đánh giá chứng cứ của Tòa án dựa trên tài liệu hợp pháp, lời khai, chứng cứ khác.Vì các lý do nêu trên, Toà án xét thấy yêu cầu trưng cầu giám định của bà là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà H và ông T1 đề nghị xác định Công ty cổ phần P là bị đơn: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2024, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 21/01/2025 và tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 25/9/2025 đều thể hiện bà H khởi kiện yêu cầu cá nhân bà T – Phó Giám đốc và ông D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty P bồi thường thiệt hại do có hành vi đánh, chửi bới, xúc phạm bà H tại trụ sở Công ty P khi bà H yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà H hợp tác với Công ty P.Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại" theo khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T và ông D là bị đơn, Công ty cổ phần P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.Do đó, kháng cáo của bà H và ông T1 về việc đề nghị xác định Công ty P là bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của Ông Trần Văn T1: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 04/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T1 có yêu cầu độc lập, cụ thể: yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần P thanh toán cho ông số tiền công tuyển dụng đối với học viên Tòng Văn B theo thỏa thuận là 25.000.000 đồng (tương đương 1.000 USD); buộc Công ty P bồi thường thiệt hại do uy tín, danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 23.400.000 đồng; đồng thời cho rằng Công ty P phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại nêu trên do việc ban hành công văn, công khai số tài khoản công ty và xử lý tiền của người lao động thiếu minh bạch. Xét về thời điểm đưa ra yêu cầu độc lập, tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông Trần Văn T1 nộp yêu cầu sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hai phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Do đó, yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 không đáp ứng điều kiện được xem xét, giải quyết trong cùng vụ án theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 trong vụ án này và hướng dẫn ông khởi kiện bằng một vụ án khác là đúng quy định pháp luật. Tại đơn kháng cáo, ông Trần Văn T1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới nào để chứng minh cho việc yêu cầu độc lập của mình thuộc trường hợp được giải quyết trong vụ án này. Nội dung kháng cáo của ông T1 về cơ bản trùng với nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị H. Do kháng cáo của bà Vũ Thị H không được chấp nhận như đã phân tích tại các mục trên, nên kháng cáo của ông Trần Văn T1 cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về căn cứ xác định hành vi xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà Vũ Thị H: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc Công ty Cổ phần P ban hành Công văn số 025/2023/CV-BINHMINHEHD ngày 29/12/2023 do bà Nguyễn Thị T ký được thực hiện trên danh nghĩa của pháp nhân là Công ty. Nội dung công văn nhằm thông báo việc dừng học của học viên Tòng Văn B, không phải là văn bản công bố thông tin về bà H; trong công văn cũng không ghi đầy đủ họ tên, địa chỉ hay tư cách pháp lý của "bà H" để xác định đó là bà Vũ Thị H. Do đó, không có căn cứ xác định công văn này trực tiếp xâm phạm đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của bà H. Ngoài ra, từ các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, đặc biệt là lời khai của ông Trần Văn T1 và Phiếu chi ngày 29/12/2023 của Công ty P, có đủ căn cứ xác định số tiền 10.000.000 đồng tiền cọc của học viên Tòng Văn B đã được hoàn trả, và các khoản tiền liên quan đến ông N, anh B đều do ông T1 trực tiếp giao dịch, không phải bà H. Việc ông N, anh B đến yêu cầu trả tiền phát sinh từ sự nhầm lẫn trong quá trình giao dịch, không phải do lỗi của bà T hay ông D.

[2.4] Về hành vi bị cho là hành hung, xúc phạm: Bà Vũ Thị H cho rằng bà T và ông D đã chửi bới, hành hung bà tại trụ sở Công ty P. Tuy nhiên, ngoài giao nộp 02 bản ghi âm được chị H xác nhận có giọng nói của chị H và 2- 3 người, không có căn cứ thể hiện việc bà T, ông D có hành vi đánh bà H, việc bà H cho rằng qua nội dung file ghi âm có việc ông D túm tóc tát bà nhưng bà H không giao nộp cho Toà án cấp sơ thẩm và phúc thẩm tài liệu chứng cứ để chứng minh hành vi xâm phạm thân thể, danh dự của mình. Bà H cũng đã có đơn gửi cơ quan Công an nhưng không đến làm việc và không có kết luận điều tra của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, không có căn cứ pháp lý để xác định bà T và ông D có hành vi xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà H.

[2.5] Về thiệt hại và mối quan hệ nhân quả: Các khoản thiệt hại mà bà H yêu cầu bồi thường gồm mất thu nhập, chi phí thuê văn phòng, chi phí điều trị và tổn thất tinh thần đều được xác lập trên cơ sở giả định có hành vi xâm phạm trái pháp luật của bà T và ông D. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, không có căn cứ xác định hành vi trái pháp luật, nên không có cơ sở xác lập mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 590 và 592 Bộ luật dân sự. Hơn nữa, các tài liệu về thu nhập, hợp đồng hợp tác, chi phí thuê văn phòng, hồ sơ y tế mà bà H cung cấp không đủ để chứng minh các thiệt hại phát sinh trực tiếp do hành vi của bị đơn, mà chỉ thể hiện tình trạng hoạt động nghề nghiệp và sức khỏe chung của bà H, cụ thể hồ sơ bệnh án bà H cung cấp tại cấp sơ thẩm không trùng khớp với thời điểm xảy ra tại trụ sở Công ty, các tài liệu này thể hiện bệnh lý của bà có tiền sử từ trước do không uống thuốc đều, không chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của các bị đơn và tinh trạng bệnh . Do đó yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập, văn phòng và thuốc men là không có căn cứ.

[2.6] Đối với yêu cầu tuyên Công văn số 025/2023/CV-BINHMINHEHD là trái pháp luật và yêu cầu xin lỗi, cải chính: Công văn này được ban hành nhân danh Công

ty P. Bà H khởi kiện bà T và ông D với tư cách cá nhân, không khởi kiện Công ty với tư cách bị đơn. Do đó, không có căn cứ pháp lý để Tòa án tuyên tính hợp pháp của văn bản của pháp nhân trong phạm vi vụ án này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là đúng pháp luật.

[3 Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng chứng cứ, áp dụng đúng quy định của pháp luật, tại phiên toà Viện kiểm sát tỉnh Lai Châu nhận định và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do vậy, việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H là có căn cứ. Kháng cáo của bà Vũ Thị H, ông Trần Văn T1 không có cơ sở chấp nhận, nên cần bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: bà Vũ Thị H, ông Vũ Văn T3 thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí DSST và án phí DSPT theo Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 293; khoản 1 Điều 308 BLTTDS;

1.Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Vũ Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 tỉnh Lai Châu;

2. Căn cứ: Khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 33, 34, 584, 585, 586, 590, 592 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

Án phí:Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị H ông Trần Văn T1 được miễn án phí Dân sự phúc thẩm. (Bà Vũ Thị H được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Ông Trần Văn T1 được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/01/2026

Nơi nhận:
- TAND Tối cao
- VKSND Tối cao
- VKSND tỉnh Lai Châu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Khu vực 2
- VKSND Khu vực 2
- Cục THAND tỉnh ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Giang Thị Vượng